

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-PT.

Ngày: 31/3/2023

V/v: “Tranh chấp QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT- DS ngày 12/01/2023 về việc: “Tranh chấp QSDĐ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS – ST, ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT ngày 28/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Triệu Hạnh H– Văn phòng Luật sư Triệu H– Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1956, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Đỗ Văn Tr, Sinh năm: 1968, (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970, (vợ ông T); Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990, (con ông T); Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1993, (con ông T);
Đều có địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang; bà H1, anh Thương, chị H2 đều vắng mặt, đều uỷ quyền cho ông T tham gia tố tụng, ông T có mặt.

2. Bà Phùng Thị V, sinh năm: 1956, (vợ ông Đ); Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm: 1981, (con ông Đ); Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1983, (con dâu ông Đ);
Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1983, (con ông Đ); Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990, (con ông Đ). Đều có địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang; (đều vắng mặt).

3. Cụ Đỗ Văn Ch, sinh năm: 1942, (bố đẻ ông Tr); Bà Hoàng Thị Ch1, sinh năm: 1942, (mẹ đẻ ông Tr); Bà Hoàng Thị H3, sinh năm: 1969, (vợ ông Tr); Chị Đỗ Thị H4, sinh năm: 1990, (con ông Tr); Anh Đỗ Văn Đ1, sinh năm: 1993 (con ông Tr); Chị Nguyễn Thị O, sinh năm: 1997, (con dâu ông Tr); Chị Đỗ Thị Th1; sinh năm: 1996 (con ông Tr). Đều có địa chỉ: Xóm Đ, thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang, (đều vắng mặt).

4. UBND xã X do ông Ngô Xuân Th2- Chủ tịch UBND xã X đại diện, vắng mặt.

5. Ban quản lý thôn C, xã X: Do ông Hoàng Văn M- Trưởng thôn Clà người đại diện theo uỷ quyền, (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975, (em gái ông T); Địa chỉ: Thôn Ph, xã Y, huyện Ch, tỉnh Gia Lai, (vắng mặt).

7. UBND huyện H, tỉnh Bắc Giang do ông Vũ Quang T1- Phó trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện H là người đại diện theo uỷ quyền, (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962, (em ruột ông Đ); Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1965, (vợ ông Tiệp); Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1987, (con ông Tiệp);
Chị Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1989, (con ông T2); Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh 1991, (con ông Tiệp), Chị Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1995, (vợ anh Đ1), Đều có địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T đã trình bày: Năm 1992, gia đình ông gồm các khẩu như sau: Chủ hộ cụ Nguyễn Văn C, (là bố của ông, chết năm 2018), cụ cố đẻ ra cụ C (là bà nội ông, chết năm 1993); cụ Nguyễn Thị Ngh, sinh (mẹ ông, chết năm 2019); ông là Nguyễn Văn T; bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975; anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990. Năm 1992, gia đình ông có tổng 3.602m² đất nông nghiệp ở thôn C, xã X, huyện H. Đất có nguồn gốc do Nhà nước chia cho mỗi khẩu là 515m²; gia đình khai hoang được 552m² đất thuộc tờ bản đồ số 7, tại xứ đồng H. Ngày 18/4/1999, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số P156876 cho hộ gia đình ông do cụ Nguyễn Văn C đứng tên chủ hộ. Thửa đất có diện tích 552m² và toàn bộ diện tích đất nông nghiệp do Nhà nước giao từ năm 1992 thì gia đình ông vẫn canh tác ổn định. Năm 2014, thôn C thực hiện việc dồn điền đổi thửa. Cán bộ thôn đã tổ chức họp dân, đi đến thống nhất chỉ thực hiện dồn điền đổi thửa ở cánh đồng mẫu, còn lại khu đồng manh mún không nằm trong cánh đồng mẫu thì để nguyên hiện trạng. Một thời gian sau, thôn tổ chức họp dân, cán bộ nói chia nhỏ diện tích theo đầu khẩu, một số người đồng ý theo phương án đó. Nhưng gia đình ông không đồng ý cho thôn lấy thửa ruộng 552m² tại xứ đồng H, (nằm trong tổng diện tích 3.602m² được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ) vì lý do: Việc chia nhỏ thửa ruộng như vậy là không hiệu quả về kinh tế và không đúng với chủ trương, kế hoạch dồn điền, đổi thửa của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bắc Giang. Mặc dù vậy, cán bộ thôn, xã cố tình chia thửa đất 552m² của gia đình ông cho các hộ dân khác, trong khi gia đình ông đang cấy lúa xanh trên thửa ruộng này. Thôn đã đưa người đến cưỡng chế ruộng của gia đình ông cụ thể là: Cán bộ thôn và cán bộ UBND xã đã chia 100m² đất ruộng của gia đình ông cho hộ ông Nguyễn Văn Đ; chia cho ông Đỗ Văn Tr 60m² đất. Sau đó hộ gia đình ông Đ và ông Tr đã phá lúa của gia đình nhà ông để cày bừa. Hai bên gia đình đã xảy ra xô sát. Đã nhiều lần, ông yêu cầu hộ gia đình ông Đ và ông Tr phải trả lại ruộng cho ông, nhưng ông Đ và ông Tr không đồng ý và đưa ra lý do: Diện tích đất tranh chấp này là do Ban lãnh đạo thôn C giao cho họ sử dụng. Tuy nhiên, ông Đ và ông Tr không cung cấp được chứng từ nào để chứng minh về việc ông Đ và ông Tr đã được thôn hay xã giao cho phần diện tích đất tranh chấp này của gia đình ông. Theo ông thì nếu có việc Ban lãnh đạo thôn hay UBND xã X giao ruộng của gia đình ông cho người khác sử dụng cũng thì việc giao ruộng này là không có căn cứ. Thôn và xã không có thẩm quyền lấy đất đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông để cho người khác sử dụng. Việc ông Đ và ông Tr sử dụng ruộng của gia đình ông là trái pháp luật.

Ngày 29/8/2019, UBND xã X đã tổ chức hòa giải lần thứ 2 về việc tranh chấp đất ruộng giữa các bên nhưng không thành. Nay, ông khởi kiện yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đ và hộ ông Đỗ Văn Tr phải trả lại cho gia đình ông phần diện tích đất tranh chấp cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho gia đình ông 100m² đất nông nghiệp nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m² thuộc thửa số 0, tờ bản đồ số 7, ở xứ đồng H, thôn C, xã X, Hiệp Hòa. Đất này đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số P 156876, ngày 18/4/1999 đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn C (bố đẻ của ông).

2. Ông Đỗ Văn Tr phải trả lại cho gia đình ông 60m² đất nông nghiệp nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m² thuộc thửa số 0, tờ bản đồ số 7, ở xứ đồng H. Đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn C.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ đã trình bày: Năm 2014, Đảng và Nhà nước có chủ trương về việc dồn điền đổi thửa để nâng cao năng suất, đưa đời sống của nhân dân ấm no, hạnh phúc. Năm 2015, gia đình ông được Tiểu ban dồn điền đổi thửa giao cho 100m² đất ruộng ở xứ đồng H. Tiểu ban dồn điền đổi thửa chia ruộng cho gia đình ông ở đâu thì gia đình ông làm ở đó. Ruộng được chia theo khẩu năm 1992 đã được nhân dân trong thôn nhất trí. Đất được chia đều là đất xen kẹt, mỗi khẩu được 24m² ruộng để trồng rau, gieo mạ. Khi đó, gia đình ông T đã nhận ruộng ở ngoài đồng không bị thiếu một phần đất nào. Phần đất xen kẹt thì gia đình ông T cũng đã nhận đủ ở xứ đồng H. Gia đình ông cũng có hơn 400m² đất, nhưng ông đã phải giao phần ruộng này cho người khác còn gia đình ông thì nhận phần ruộng này của gia đình ông T. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả cho ông T thửa ruộng có diện tích 100m² ở xứ đồng H thì ông không đồng ý vì lý do: Ông nhận ruộng do chính quyền thôn, xã giao cho từ việc dồn điền đổi thửa theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phần diện tích 100m² đất hiện nay mà gia đình ông đang canh tác là do Tiểu ban dồn điền, đổi thửa đã giao cho gia đình ông từ năm 2014. Khi dồn điền, đổi thửa thì ông cũng không có tranh chấp về đất ruộng với gia đình ông.

Bị đơn là ông Đỗ Văn Tr đã trình bày: Chủ trương dồn điền, đổi thửa của thôn C là đúng đắn, đúng với nguyện vọng của nhân dân, đã được dân họp bàn thông qua. Thửa đất 60m² tại xứ đồng H mà gia đình ông đang canh tác có nguồn gốc do Ban quản lý thôn và Ban dồn điền đổi thửa chia cho chứ không phải gia

đình ông lấn chiếm của gia đình ông T. Nay, ông không Đ ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là con của cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị Nghĩa, là em gái của ông Nguyễn Văn T. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn T, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Chị Nguyễn Thị Thu H2 trình bày: Chị là con gái của ông Nguyễn Văn T, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Anh Nguyễn Văn Th) trình bày: Anh là con trai của ông Nguyễn Văn T, anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông Đỗ Văn Ch, bà Hoàng Thị Ch1, bà Hoàng Thị H3, chị Đỗ Thị H4, anh Đỗ Văn Đ1, chị Nguyễn Thị O, chị Đỗ Thị Th1, bà Phùng Thị V, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Nh, chị Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị Ph, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Đ1, chị Nguyễn Thị Th3 đều được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

UBND xã Xdo ông Ngô Xuân Th2- Chủ tịch UBND xã X đại diện hợp pháp đã trình bày: Ngày 21/12/2014, UBND xã X tiến hành Hội nghị với nhân dân thôn C để lấy ý kiến về việc dồn điền đổi thửa. Tại cuộc họp có 98% nhân dân đồng ý về phương án dồn điền đổi thửa và xác định rõ định suất được chia. Hiện nay kết quả dồn điền đổi thửa đã được Nhà nước công nhận và phê duyệt, một số hộ đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Đối với việc tranh chấp đòi QSDĐ của hộ ông T, bà Hiền với hộ ông Đ, ông Tr cũng được thực hiện đúng theo Nghị quyết họp dân, sau đó các hộ được chia ruộng trên thực tế. Hàng năm hộ ông T, bà Hiền vẫn thực hiện việc canh tác trên các thửa ruộng được chia. Mặc dù các hộ không ký biên bản nhận ruộng, nhưng trên thực tế, các hộ vẫn thực hiện canh tác, sản xuất trên các thửa ruộng mới được chia. Việc thực hiện chủ trương dồn điền, đổi thửa của thôn C là thực hiện theo chủ trương, chính sách của Nhà nước, Nghị quyết của Đảng ủy và văn bản hướng dẫn của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bắc Giang hướng dẫn quy trình dồn điền đổi thửa. Các văn bản này chính quyền địa phương đã cung cấp cho Tòa án. Việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ, ông Tr trả lại cho ông T phần diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 0, tờ bản đồ số 7, ở xứ đồng H, thôn

C, xã X vì lý do: Vợ chồng ông T, bà Hiền đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 18/4/1999 mang tên hộ cụ Nguyễn Văn C là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ban quản lý thôn C do ông Hoàng Văn M - Trưởng thôn C là người đại diện đã trình bày: Theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, năm 2014 thôn C thực hiện việc dồn điền, đổi thửa, Ban quản lý thôn đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định. Theo nguyện vọng của nhân dân tại cuộc họp, ngày 21/12/2014, có 99,8% nhân dân trong thôn đồng ý chia ruộng theo định suất của phương án dồn điền, đổi thửa đất vòng 2. Mỗi định suất ruộng được chia là 24m² theo dọc các tuyến đường của thôn. Hiện nay, Nhà nước đã công nhận kết quả dồn điền, đổi thửa và cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho nhân dân theo phương án dồn điền, đổi thửa đã được phê duyệt. Tuy nhiên, còn một số hộ trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Đ và ông Đỗ Văn Tr đã được chia ruộng theo định suất nhưng chưa được nhận giấy chứng nhận QSDĐ do hiện nay đang có tranh chấp với ông Nguyễn Văn T. Theo phương án dồn điền đổi thửa năm 2014 thì ông Đ được chia 100m² ứng với 05 khẩu theo định suất năm 1992. Gia đình ông T đã giao lại một phần diện tích (trong tổng diện tích 552m²) tại xứ đồng H cho thôn để thôn giao cho các hộ gia đình khác. Gia đình ông T cũng đã nhận ruộng đầy đủ ở các xứ đồng khác theo định suất. Từ sau khi dồn điền, đổi thửa, gia đình ông T đã sử dụng đất được giao một cách ổn định, đến nay mới xảy ra tranh chấp đất ruộng giữa ông T với ông Đ và ông Tr.

UBND huyện H do ông Vũ Quang T1 - Phó trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện H là người đại diện theo uỷ quyền đã trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp đối với các hộ gia đình tại thôn C, xã X sau khi địa phương dồn điền, đổi thửa năm 2015 cụ thể như sau: Về trình tự, thủ tục việc cấp các Giấy chứng nhận QSDĐ cho các hộ gia đình là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Năm 2015, thực hiện theo chủ trương dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn, Đảng ủy, UBND xã X chỉ đạo các thôn trong xã tổ chức thực hiện công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp được sự đồng thuận cao của người dân. Đối với thôn C, sau khi có Nghị quyết của Chi bộ về công tác dồn điền, đổi thửa. Tại Hội nghị mở rộng của thôn C ngày 12/3/2014, đã bầu ra Tiểu ban chỉ đạo dồn điền, đổi thửa để tổ chức thực hiện. Ngày 12/3/2014, Ban quản lý thôn C đã tổ chức họp các xóm trong thôn để triển khai kế hoạch, đồng thời tiến hành lấy phiếu xin ý kiến nhân dân. Kết quả là 97% hộ dân đều đồng tình, nhất trí với chủ trương thực hiện dồn điền, đổi thửa. Tại kết luận số 1199/KL-UBND, ngày

13/8/2015, UBND huyện H đã giao nhiệm vụ các Cơ quan liên quan cụ thể: “Giao phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối chiếu với quy định, hướng dẫn trong thực hiện dồn điền, đổi thửa, chủ trì tổ chức nghiệm thu, chuyển hồ sơ đến Phòng Tài Nguyên và Môi trường làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ sau dồn điền, đổi thửa. Giao Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H hướng dẫn UBND xã X chỉnh lý hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp đối với các hộ đã tự nguyện giao trả lại đất, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; hướng dẫn UBND xã X khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ sau dồn điền, đổi thửa. Vì vậy, về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đối với các hộ dồn điền, đổi thửa tại thôn C, xã X là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS – ST, ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện H đã áp dụng các Điều 26; Điều 39; Điều 34; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273; khoản 2m Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 100 của Luật đất đai; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 275 của Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất nông nghiệp là 100m² nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m² đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số P 156876, ngày 18/4/1999 đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn C (bố đẻ của ông T), thửa đất thuộc thửa số 0, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Xứ đồng H, thôn C, xã X, huyện H;

2. Buộc ông Đỗ Văn Tr phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất nông nghiệp là 60m² nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m² đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số P 156876, ngày 18/4/1999 đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn C (bố đẻ của ông T), thửa đất thuộc thửa số 0, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Xứ đồng H, thôn C, xã X, huyện H.

- Về tiền chi phí định giá, thẩm định giá: Ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ chi phí định giá, thẩm định giá, (do ông T đã ứng chi) trong quá trình giải quyết vụ án là 1.700.000đ, (một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn T đã nộp là 327.500đ, (ba trăm hai mươi bảy nghìn năm

trăm đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000764, ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.500đ, (hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000764, ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/10/2022, ông Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm đã xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Bị đơn đã được Tòa án giao giấy triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2014, thôn C thực hiện việc dồn điền đổi thửa đã lấy thửa ruộng 552m² tại xứ đồng H, (nằm trong tổng diện tích 3.602m² được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình ông để chia cho người khác thì gia đình ông không Đ ý. Việc chia nhỏ thửa ruộng như vậy là không đúng với chủ trương, kế hoạch dồn điền, đổi thửa của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bắc Giang. Cán bộ thôn và cán bộ UBND xã đã chia 100m² đất ruộng của gia đình ông cho hộ ông Nguyễn Văn Đ; chia cho ông Đỗ Văn Tr 60m² đất. Nay, ông khởi kiện yêu cầu hộ gia đình ông Đ và ông Tr phải trả lại ruộng cho gia đình ông, nhưng bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thì ông không nhất trí. Ông thừa nhận sau khi dồn điền, đổi thửa thì gia đình ông cũng được nhận ruộng theo định suất ruộng và canh tác phần ruộng được giao từ đó đến nay.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất nông nghiệp là 100m^2 ; yêu cầu ông Đỗ Văn Tr phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất nông nghiệp là 60m^2 , đều nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m^2 thuộc thửa đất số 0, tờ bản đồ số 7 ở xứ đồng H, thôn C, xã X, huyện H. Đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số P 156876, ngày 18/4/1999 đứng tên hộ cụ Nguyễn Văn C (bố đẻ của ông T),

Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T kháng cáo không Đ ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử. Ông T yêu cầu ông Đ và ông Tr phải trả lại cho ông T phần diện tích đất đang có tranh chấp.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đề nghị ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho gia đình ông T diện tích đất nông nghiệp là 100m^2 thì thấy:

Tại Bản trích lục bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ ngày 16/11/2021 đã thể hiện:

Thửa đất cũ của gia đình ông T theo Bản đồ địa chính đo năm 2013 được mô tả là hình tứ giác thể hiện bằng các đường nét đứt có diện tích là 310m^2 . Thửa đất cũ của gia đình ông T (chính là thửa ruộng có diện tích 552m^2 thuộc thửa đất số 0, tờ bản đồ số 7 ở xứ đồng H, thôn C, xã X, huyện H) sau khi dồn điền, đổi thửa đã được giao cho các hộ gia đình gồm: Một phần nằm trong thửa đất ruộng giao cho gia đình ông Đỗ Văn Chức (ông Đỗ Văn Tr); một phần được giao cho các gia đình gồm: Cụ Nguyễn Văn C (bố đẻ ông Nguyễn Văn T), ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn M1 và một phần làm đường đi nội đồng.

Qua thẩm định đã xác định: Thửa đất ruộng của gia đình ông Đ được giao sau khi dồn điền, đổi thửa thì không nằm trong thửa đất cũ của gia đình ông T, (không nằm trong thửa ruộng có diện tích 552m^2 thuộc thửa đất số 0, tờ bản đồ số 7 ở xứ đồng H, thôn C, xã X, huyện H).

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ông T yêu cầu ông Đ phải trả lại diện tích đất ruộng 100m^2 là có căn cứ. Kháng cáo của ông T về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T đề nghị ông yêu cầu ông Đỗ Văn Tr phải trả lại cho gia đình ông T phần diện tích đất nông nghiệp là 60m^2 thì thấy:

Tại Bản trích lục bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ ngày 16/11/2021 đã thể hiện: Thửa đất của gia đình ông Đỗ Văn Tr tại

trích lục bản đồ địa chính đứng tên cụ Đỗ Văn Ch, (bố đẻ ông Tr) được địa phương giao khi dồn điền, đổi thửa.

Việc dồn điền, đổi thửa của thôn C, xã X được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Bắc Giang. Quá trình lấy ý kiến của nhân dân trong thôn thì có 99,8% nhân dân trong thôn biểu quyết thông qua tại Hội nghị ngày 21/12/2014. Tại mục 1.4 phần III Kết luận số 1199/KL-UBND ngày 13/8/2015, của Ủy ban nhân dân huyện H cũng đã kết luận: Việc chia ruộng to thành ruộng nhỏ là do xuất phát từ nhu cầu thực tế và sự thống nhất cao của nhân dân trong thôn C, Tiểu ban CĐ dồn điền, đổi thửa đã báo cáo UBND xã X và đã được UBND xã X phê duyệt đồng ý chuyển vị trí đất công ích từ khu vực dọc trục đường liên thôn nằm xen kẽ giữa các khu dân cư sang khu đồng Ba xã; khu dọc trục đường liên thôn trước đây dự kiến để làm đất công ích được chia đều cho các định suất. Mỗi định suất được giao 24m² đất để lấy đất gieo mạ, trồng rau, màu... Về tổng thể diện tích bình quân/thửa sau khi dồn điền đổi thửa tại thôn C tăng từ 211,3m² lên 754,9m²; số thửa ruộng giảm từ 3.349 thửa xuống còn 861 thửa; số thửa bình quân/hộ giảm từ 10 thửa xuống còn 2,49 thửa, đảm bảo đúng với Hướng dẫn số 175/HD-TNMT, ngày 20/01/2014 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bắc Giang về tổ chức thực hiện dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Việc Ban quản lý, Tiểu ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa thôn C đã phân vùng, chia ruộng theo sự đồng thuận cao của nhân dân trong thôn là đúng. Đến nay việc dồn điền, đổi thửa đã được Nhà nước công nhận và phê duyệt. Các hộ gia đình đã canh tác trên các thửa ruộng được giao ổn định trong thời gian dài. Các hộ gia đình ông Đ, ông Tr đã nhận ruộng từ Ban dồn điền, đổi thửa của thôn, không trực tiếp nhận ruộng của gia đình ông T hay bất cứ gia đình nào trong thôn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng xác định gia đình ông T đã được nhận ruộng từ Tiểu ban dồn điền đổi thửa của thôn C từ năm 2015 là đủ số lượng và diện tích gồm có 03 thửa ruộng, trong đó 01 thửa ruộng có diện tích là 2 sào; 01 thửa ruộng có diện tích là 5 sào và 01 thửa ruộng được chia nằm trên trục đường liên thôn theo Nghị quyết họp dân ngày 21/12/2014.

Như vậy, hộ gia đình ông T vẫn sử dụng ruộng ổn định từ khi được giao ruộng đến nay mới xảy ra tranh chấp. Đại diện của địa phương xác định: Ban dồn điền, đổi thửa của thôn đã giao ruộng cho hộ gia đình ông T đầy đủ diện tích theo quy định. Sau khi dồn điền, đổi thửa gia đình ông T đã thay đổi về số thửa ruộng cụ thể: Từ 10 thửa ruộng giảm xuống còn 03 thửa ruộng. Việc canh tác ruộng của gia đình ông Thiện tại không còn manh mún như trước. Tất cả các thửa ruộng mới

được chia này đều nằm cạnh đường to mà ô tô tải có thể đi qua. Giá trị đất nông nghiệp trên địa bàn thôn C đều tăng lên.

Vì sự phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ông T đòi lại 60m² của thửa đất cũ mà Ban quản lý thôn C đã giao cho hộ gia đình ông T là có căn cứ. Kháng cáo của ông T về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 122/2022/DS – ST, ngày 10/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Án phí DSPT: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00083944 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền